

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG
LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 33
8. Phụ lục	34 - 35

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức – Long An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức – Long An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100727873, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.
- Điện thoại : +84 (272) 3636 446
- Fax : +84 (272) 3636 447

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng; Mua bán các sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc cừ, ống cống, ống cọc, cầu kiện bê tông, bê tông thương phẩm);
- Truyền tải và phân phối điện năng lượng mặt trời;
- Sản xuất các sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc cừ, ống cống, ống cọc, cầu kiện bê tông, bê tông thương phẩm);
- Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình), chuyển giao công nghệ sản xuất bê tông công nghiệp; Thiết kế sản phẩm bê tông công nghiệp, cơ khí, thiết bị nâng công nghiệp;
- Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp điện, điện dân dụng, điện công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Thi công các công trình công nghiệp, dân dụng, cơ sở hạ tầng;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí (thiết bị: nâng, sản xuất bê tông, kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí);
- Sản xuất vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị máy móc kỹ thuật (trừ máy in);
- Mua bán vật tư thiết bị máy móc kỹ thuật (trừ máy in); Mua bán vật liệu, vật tư thiết bị kỹ thuật ngành điện, xây dựng; Mua bán thiết bị: nâng, sản xuất bê tông, kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Hữu Thiên	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2020
Ông Phạm Ngọc Hiệp	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2020
Ông Dương Ngọc Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2020
Ông Võ Văn Lãnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2020
Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2020
Ông Lê Ngọc Đệ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2020

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Lê Trần Kiều Ngân	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 3 năm 2020
Ông Thái Mạnh Hùng	Thành viên	Ngày 27 tháng 3 năm 2020
Ông Nguyễn Xuân Hiếu	Thành viên	Ngày 27 tháng 3 năm 2020



Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Phạm Ngọc Hiệp	Tổng Giám đốc	Ngày 30 tháng 7 năm 2020
Ông Ngô Trường Huy	Giám đốc	Ngày 30 tháng 7 năm 2020
Ông Dương Ngọc Vân	Giám đốc	Ngày 30 tháng 7 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Ngọc Hiệp - Tổng Giám đốc Công ty (Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

Phạm Hữu Thiên
Chủ tịch

Ngày 22 tháng 4 năm 2021



Số: 1.1037/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức – Long An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16 tháng 4 năm 2021, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức – Long An tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.18a trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về chi phí lãi phải trả do sử dụng vốn các cổ đông với tổng số tiền là 10.407.164.170 VND đã được Hội đồng quản trị phê duyệt nhưng chưa được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông.

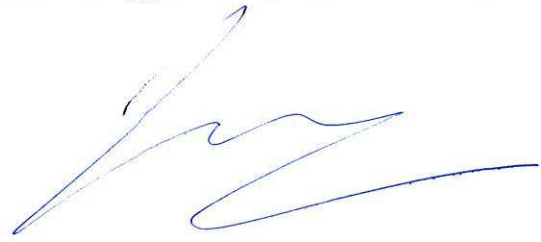
Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1



Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC - LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		261.059.724.778	334.822.137.433
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.805.259.384	5.675.054.441
1. Tiền	111	V.1	6.805.259.384	5.675.054.441
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160.481.594.881	216.782.900.950
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	194.916.892.146	247.085.228.441
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.779.465.020	1.109.019.985
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	429.298.772	616.281.431
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(38.644.061.057)	(32.027.628.907)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	93.093.909.720	111.815.845.256
1. Hàng tồn kho	141		93.093.909.720	111.815.845.256
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		678.960.793	548.336.786
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	678.960.793	548.336.786
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC - LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		202.095.122.247	184.934.562.479
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.999.934	14.999.934
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	14.999.934	14.999.934
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		160.688.517.153	144.512.096.638
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	127.698.868.036	110.524.927.290
- Nguyên giá	222		260.803.060.665	230.928.235.685
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(133.104.192.629)	(120.403.308.395)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	32.989.649.117	33.987.169.348
- Nguyên giá	228		34.705.546.082	34.705.546.082
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.715.896.965)	(718.376.734)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.545.830.957	7.706.103.843
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	8.545.830.957	7.706.103.843
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		29.452.850.837	29.452.850.837
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11a	18.452.850.837	18.452.850.837
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.11b	11.000.000.000	11.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.392.923.366	3.248.511.227
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.356.077.366	3.218.059.682
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	36.846.000	30.451.545
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		463.154.847.025	519.756.699.912

11/5/20
 Y/5/2
 UH
 SV
 10/2

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC - LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		270.885.806.351	275.042.613.030
I. Nợ ngắn hạn	310		243.430.256.035	275.042.613.030
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	33.676.785.339	69.227.089.603
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	17.662.963.608	14.572.753.749
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	6.307.276.756	7.650.673.653
4. Phải trả người lao động	314	V.16	7.945.577.678	11.996.489.994
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.454.039.610	1.160.291.916
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	30.097.977.366	4.163.329.180
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	139.687.297.339	160.612.854.621
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	2.026.530.000	1.674.834.975
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	4.571.808.339	3.984.295.339
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		27.455.550.316	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	16.234.973.391	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	11.220.576.925	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC - LONG AN


Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		192.269.040.674	244.714.086.882
I. Vốn chủ sở hữu	410		192.269.040.674	244.714.086.882
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	120.366.560.000	150.745.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.366.560.000	150.745.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	950.000.000	20.179.135.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22	(200.000)	(200.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	47.642.798.186	44.142.798.186
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	23.309.882.488	29.646.953.696
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.727.694.417	29.646.953.696
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		19.582.188.071	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		463.154.847.025	519.756.699.912


Nguyễn Văn Việt
Người lập/Kế toán trưởng

Long An, ngày 16 tháng 4 năm 2021



Phạm Ngọc Hiệp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC - LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	475.815.916.085	472.565.027.967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	191.686.784	174.577.727
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		475.624.229.301	472.390.450.240
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	411.481.178.813	419.725.848.271
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.143.050.488	52.664.601.969
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.066.981.785	1.177.734.534
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	13.389.126.011	3.947.801.619
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.179.220.068	9.380.650.319
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	2.886.689.004	3.919.736.211
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	24.171.261.611	22.108.573.262
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.762.955.647	23.866.225.411
11. Thu nhập khác	31	VI.8	357.146.757	61.517.591
12. Chi phí khác	32	VI.9	317.174.834	1.592.174.001
13. Lợi nhuận khác	40		39.971.923	(1.530.656.410)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.802.927.570	22.335.569.001
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	5.227.133.954	4.986.737.046
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	(6.394.455)	(8.213.026)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.582.188.071	17.357.044.981
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.350	947
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.350	947



Nguyễn Văn Việt
Người lập/Kế toán trưởng

Long An, ngày 16 tháng 4 năm 2021



Phạm Ngọc Hiệp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC - LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24.802.927.570	22.335.569.001
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	14.065.039.586	14.126.078.823
- Các khoản dự phòng	03	V.5, V.20	6.968.127.175	(1.195.445.012)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(32.715.727)	(29.190.807)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(862.578.332)	(1.531.723.373)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	13.179.220.068	9.380.650.319
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		58.120.020.340	43.085.938.951
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		49.658.587.445	(4.365.081.707)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.721.935.536	(17.578.259.543)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(38.765.057.802)	15.769.941.215
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(268.641.691)	(423.722.395)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, V.18a, V.22, VI.5	(13.379.544.441)	(9.380.650.319)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(3.408.352.971)	(5.723.659.049)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(2.488.487.000)	(5.656.796.386)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		68.190.459.416	15.727.710.767
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.10	(31.193.702.094)	(20.903.329.470)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.8, VI.8	116.363.636	495.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(11.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	11.950.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4a, VI.4	882.658.342	226.367.371
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.194.680.116)	(19.231.507.554)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC - LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

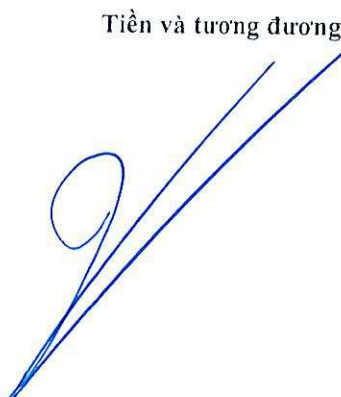
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.18, V.22	(15.515.963.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	450.353.209.950	417.244.665.515
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(460.058.190.307)	(409.915.642.361)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(1.113.291.675)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18a, V.22	(11.644.631.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(36.865.574.357)</i>	<i>6.215.731.479</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.130.204.943	2.711.934.692
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.675.054.441	2.963.119.749
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>6.805.259.384</u>	<u>5.675.054.441</u>

Long An, ngày 16 tháng 4 năm 2021


Nguyễn Văn Việt
Người lập/Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Hiệp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức – Long An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm bê tông công nghiệp và thi công nền móng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 310 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 334 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có đầu tư trái phiếu với mục đích thu lãi hàng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ góp vốn điều lệ của Công ty so với tổng số điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, và các chi phí trả trước khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyến dẫn	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	02 – 05

498
NG
TIỆM H
N VÀ
&
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty do nhận chuyển nhượng hợp pháp được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn quyền sử dụng đất (50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có dự phòng bảo hành sản phẩm:

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm bằng 5% trên doanh thu các sản phẩm (doanh thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kết toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	150.839.398	42.008.066
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.654.419.986	5.633.046.375
Cộng	<u>6.805.259.384</u>	<u>5.675.054.441</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	2.406.482.200
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Tâm	-	2.406.482.200
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	194.916.892.146	244.678.746.241
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	28.478.775.045	65.057.868.290
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Châu Giang	18.225.099.750	-
Công ty Cổ phần Xây dựng - Vận tải CMQ	15.864.773.600	15.864.773.600
Công ty Cổ phần VST Việt Nam	7.066.193.450	35.029.943.850
Các khách hàng khác	125.282.050.301	128.726.160.501
Cộng	<u>194.916.892.146</u>	<u>247.085.228.441</u>

Quyền đòi nợ có giá trị là 28.871.165.642 VND (số đầu năm là 63.735.648.768 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (xem thuyết minh V.19).

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Huy Thịnh	-	372.736.000
Công ty Cổ phần Công nghệ máy Trí Việt	-	335.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ	-	250.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Trường Tồn	1.437.655.593	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Trang trí Nội thất TP. Hồ Chí Minh	1.123.138.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Hưng Thịnh	853.962.400	-
Các nhà cung cấp khác	364.709.027	151.283.985
Cộng	<u>3.779.465.020</u>	<u>1.109.019.985</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi trái phiếu dự thu	204.630.137	-	228.558.904	-
Tạm ứng	123.758.454	-	52.511.816	-
Phải thu bảo hiểm	-	-	10.928.222	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	100.910.181	-	324.282.489	-
Cộng	429.298.772	-	616.281.431	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng Vận tải CMQ						
Phải thu tiền bán hàng				Từ 02 đến 03 năm	15.625.853.600	4.687.756.080
Phải thu tiền bán hàng	Từ 02 đến 03 năm	238.920.000	71.676.000	Từ 01 đến 02 năm	238.920.000	119.460.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C						
Phải thu tiền bán hàng	Từ 02 đến 03 năm	3.324.481.305	997.344.392	Từ 02 đến 03 năm	-	-
Phải thu tiền bán hàng	Từ 1 đến 2 năm	6.397.267.938	3.198.633.969	Từ 01 đến 02 năm	11.904.053.350	5.952.026.675
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Việt						
Phải thu tiền bán hàng	Quá 03 năm	3.918.175.400	-	Quá 03 năm	3.918.175.400	-
Công ty Đầu tư và Phát triển Hạ tầng 620						
Phải thu tiền bán hàng	Quá 03 năm	3.774.455.330	-	Từ 02 đến 03 năm	3.774.455.330	1.132.336.599
Tổng Công ty Xây dựng Lãng Lô						
Phải thu tiền bán hàng	Từ 02 đến 03 năm	6.487.162.690	6.487.162.690	Từ 01 đến 02 năm	6.487.162.690	3.243.581.345
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác						
Phải thu tiền bán hàng	Quá 03 năm	3.917.075.372	-	Quá 03 năm	4.069.610.641	-
Phải thu tiền bán hàng	Từ 02 đến 03 năm	1.892.350.414	567.705.124	Từ 02 đến 03 năm	283.404.840	85.021.452
Phải thu tiền bán hàng	Từ 01 đến 02 năm	8.781.682.365	4.390.841.182	Từ 01 đến 02 năm	1.892.350.414	946.175.207
Cộng		54.357.424.414	15.713.363.357		48.193.986.265	16.166.357.358

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	32.027.628.907	27.607.775.244
Trích lập dự phòng bổ sung	6.616.432.150	4.419.853.663
Số cuối năm	38.644.061.057	32.027.628.907

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	4.204.098.939	-
Nguyên liệu, vật liệu	37.112.025.133	-	39.885.667.214	-
Công cụ, dụng cụ	1.698.257.018	-	1.907.526.041	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	618.300.790	-	406.897.035	-
Thành phẩm	53.665.326.779	-	65.411.656.027	-
Cộng	93.093.909.720	-	111.815.845.256	-

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (xem thuyết minh V.19).

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	508.373.446	392.307.518
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	170.587.347	156.029.268
Cộng	678.960.793	548.336.786

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.698.321.890	2.319.296.470
Các chi phí trả trước dài hạn khác	657.755.476	898.763.212
Cộng	3.356.077.366	3.218.059.682

8. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 17.794.317.356 VND (số đầu năm là 15.633.305.580 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (xem thuyết minh V.19).

9. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính		
	Quyền sử dụng đất		Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	34.125.546.082	580.000.000	34.705.546.082
Số cuối năm	34.125.546.082	580.000.000	34.705.546.082
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	633.143.760	85.232.974	718.376.734
Khấu hao trong năm	804.186.899	193.333.332	997.520.231
Số cuối năm	1.437.330.659	278.566.306	1.715.896.965

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	33.492.402.322	494.767.026	33.987.169.348
Số cuối năm	32.688.215.423	301.433.694	32.989.649.117
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 32.688.215.423 VND (số đầu năm là 33.492.402.322 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (xem thuyết minh V.19).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	4.600.125.215	-	-	4.600.125.215
Xây dựng cơ bản dở dang	3.105.978.628	4.948.197.799	(4.108.470.685)	3.945.705.742
<i>Hạng mục 02 hầm hấp cạo nhà máy giai đoạn 3</i>	<i>956.843.004</i>	<i>-</i>	<i>(956.843.004)</i>	<i>-</i>
<i>Hạng mục nhà kho chứa mặt bích cạnh bờ sông</i>	<i>642.217.327</i>	<i>181.818.182</i>	<i>-</i>	<i>824.035.509</i>
<i>Hạng mục khác</i>	<i>1.506.918.297</i>	<i>4.766.379.617</i>	<i>(3.151.627.681)</i>	<i>3.121.670.233</i>
Cộng	7.706.103.843	4.948.197.799	(4.108.470.685)	8.545.830.957

11. Đầu tư tài chính dài hạn**11a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty chỉ có khoản đầu tư vào 7FTD Co., Ltd với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 15% tương đương 900.000 USD. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã góp đủ 900.000 USD.

11b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, kỳ hạn 07 năm, phát hành năm 2019, lãi suất thả nổi, trả lãi một năm một lần.

Toàn bộ giá trị trái phiếu này đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm (xem thuyết minh số V.19)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ			
<i>Dự phòng bảo hành sản phẩm</i>	<i>30.451.545</i>	<i>6.394.455</i>	<i>36.846.000</i>
Cộng	30.451.545	6.394.455	36.846.000

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	881.332.256	-
Công ty Cổ phần CIC39	881.332.256	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	32.795.453.083	69.227.089.603
Changshu Longyue Rolling Element International Trade Co., Ltd	6.122.007.874	22.671.730.693
Jiangsu Haiheng Building-Materials Machinery Co., Ltd	2.961.984.492	1.256.301.976
Yogiant International Limited	2.955.310.410	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại TDK	2.709.561.250	6.021.207.500
Công ty TNHH Năng lượng Châu Âu	2.047.797.801	4.433.017.083
Các nhà cung cấp khác	15.998.791.256	34.844.832.351
Cộng	<u>33.676.785.339</u>	<u>69.227.089.603</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	1.757.993.600	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Tâm	1.757.993.600	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	15.904.970.008	14.572.753.749
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Châu Giang	-	9.577.712.400
Công ty Cổ phần Bắc Phương	3.182.521.650	-
Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	2.594.746.000	-
Các khách hàng khác	10.127.702.358	4.995.041.349
Cộng	<u>17.662.963.608</u>	<u>14.572.753.749</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.093.575.548	10.219.130.675	(13.420.327.409)	892.378.814
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.673.313.984	(7.673.313.984)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.408.070.854	5.227.133.954	(3.408.352.971)	5.226.851.837
Thuế thu nhập cá nhân	149.027.251	1.828.437.736	(1.789.418.882)	188.046.105
Thuế khác	-	9.667.794	(9.667.794)	-
Cộng	<u>7.650.673.653</u>	<u>24.957.684.143</u>	<u>(26.301.081.040)</u>	<u>6.307.276.756</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.802.927.570	22.335.569.001
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.484.999.924	1.685.710.502
- Các khoản điều chỉnh giảm	(152.257.725)	(6.979.514.648)
Thu nhập tính thuế	26.135.669.769	17.041.764.855
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	5.227.133.954	3.408.352.971
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	1.578.384.075
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.227.133.954	4.986.737.046

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	22.446.986	-
Chi phí ép cọc	-	1.087.091.006
Chi phí vận chuyển	1.431.592.624	73.200.910
Cộng	1.454.039.610	1.160.291.916

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	3.228.661.799	-
Công ty Cổ phần CIC39 - Cổ tức phải trả	3.228.661.799	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	26.869.315.567	4.163.329.180
Kinh phí công đoàn	1.654.205.538	1.084.795.054
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	30.428.272	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	71.651.000	2.908.307.799
Phải trả phần vốn góp do hủy việc phát hành cổ phiếu	17.857.038.609	-
Lãi phải trả (*)	7.083.851.920	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	172.140.228	170.226.327
Cộng	30.097.977.366	4.163.329.180

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Khoản lãi phát sinh do hủy việc phát hành cổ phiếu năm 2017.
Trong đó:

	VND
• Lãi phải trả các năm 2018, 2019 (xem thuyết minh số V.22a)	7.306.623.279
• Lãi phải trả các năm 2020 (xem thuyết minh số VI.5)	3.100.540.891
• Đã thanh toán	(3.323.312.250)
	7.083.851.920

Chi phí lãi phải trả do sử dụng vốn các cổ đông đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và sẽ được trình trong kỳ Đại hội đồng cổ đông sắp tới.

18b. Phải trả dài hạn khác

Phải trả phần vốn góp do hủy việc phát hành cổ phiếu.

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	137.137.874.264	150.612.854.621
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm ⁽ⁱ⁾	53.277.661.509	67.546.190.057
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	83.860.212.755	83.066.664.564
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 19b)	2.549.423.075	10.000.000.000
Cộng	139.687.297.339	160.612.854.621

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 130.000.000.000 VND với lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ luân chuyển, hàng tồn kho luân chuyển, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.2, V.6, V.8, V.9 và V.11b).

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 170.000.000.000 VND với lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ luân chuyển, hàng tồn kho luân chuyển, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (xem thuyết minh số V.2, V.6, V.8 và V.9).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	150.612.854.621	436.583.209.950	-	(450.058.190.307)	137.137.874.264
Vay dài hạn đến hạn trả	10.000.000.000	-	2.549.423.075	(10.000.000.000)	2.549.423.075
Cộng	160.612.854.621	436.583.209.950	2.549.423.075	(460.058.190.307)	139.687.297.339

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19b. Vay dài hạn**

Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm để mua sắm tài sản cố định. Thời hạn vay 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất vay thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố, thế chấp quyền đòi nợ luân chuyển, hàng tồn kho luân chuyển, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất và trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.2, V.6, V.8, V.9 và V.11b).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.549.423.075	10.000.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	7.601.538.450	-
Trên 05 năm	3.619.038.475	-
Cộng	<u>13.770.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	10.000.000.000
Số tiền vay phát sinh	13.770.000.000	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(2.549.423.075)	(10.000.000.000)
Số cuối năm	<u>11.220.576.925</u>	<u>-</u>

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành sản phẩm. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.674.834.975	1.615.545.470
Tăng do trích lập	351.695.025	59.289.505
Số cuối năm	<u>2.026.530.000</u>	<u>1.674.834.975</u>

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	418.264.471	690.000.000	(876.500.000)	231.764.471
Quỹ phúc lợi	2.048.092.423	1.040.000.000	(279.387.000)	2.808.705.423
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.517.938.445	1.346.000.000	(1.332.600.000)	1.531.338.445
Cộng	<u>3.984.295.339</u>	<u>3.076.000.000</u>	<u>(2.488.487.000)</u>	<u>4.571.808.339</u>

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần CIC39	51.001.910.000	36.672.680.000
Ông Phạm Hữu Thiên	26.249.430.000	29.402.510.000
Ông Phạm Ngọc Hiệp	21.013.350.000	18.114.150.000
Ông Dương Ngọc Vân	13.592.540.000	15.225.270.000
Các cổ đông khác	8.509.130.000	51.330.590.000
Cộng	<u>120.366.360.000</u>	<u>150.745.200.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.036.656	15.074.540
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.036.656	15.074.540
- Cổ phiếu phổ thông	12.036.656	15.074.540
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20	20
- Cổ phiếu phổ thông	20	20
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.036.636	15.074.520
- Cổ phiếu phổ thông	12.036.636	15.074.520
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 02/TN/2020/NQ-DHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông	12.036.636.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	3.500.000.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.730.000.000
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty	1.346.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	390.771.500	1.012.335.302
Doanh thu bán thành phẩm, dịch vụ đã cung cấp	475.425.144.585	471.552.692.665
Cộng	475.815.916.085	472.565.027.967

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với bên liên quan là Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Tâm, chi tiết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng	17.012.948.000	20.671.713.000
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	3.000.000	30.500.000

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	121.040.000	67.327.727
Giảm giá hàng bán	70.646.784	107.250.000
Cộng	191.686.784	174.577.727

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	355.422.252	875.811.243
Giá vốn của thành phẩm đã bán	392.593.829.862	409.145.468.371
Chi phí vận chuyển hàng bán	18.531.926.699	9.704.568.657
Cộng	<u>411.481.178.813</u>	<u>419.725.848.271</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	13.658.342	226.367.371
Lãi đầu tư trái phiếu	845.071.233	228.558.904
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	175.536.483	593.617.452
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	32.715.727	29.190.807
Lãi bán hàng trả chậm	-	100.000.000
Cộng	<u>1.066.981.785</u>	<u>1.177.734.534</u>
5. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.078.679.177	9.380.650.319
Lãi do sử dụng vốn góp bị hủy	3.100.540.891	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	209.905.943	182.449.975
Hoàn nhập dự phòng đầu tư	-	(5.615.298.675)
Cộng	<u>13.389.126.011</u>	<u>3.947.801.619</u>
6. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.937.964.172	2.443.085.618
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	90.483.520	72.095.152
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.170.600	71.988.280
Dự phòng bảo hành sản phẩm	351.695.025	59.289.505
Các chi phí khác	418.375.687	1.273.277.656
Cộng	<u>2.886.689.004</u>	<u>3.919.736.211</u>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.272.883.092	12.580.874.488
Chi phí đồ dùng văn phòng	846.291.177	850.190.748
Chi phí khấu hao tài sản cố định	628.804.206	503.866.360
Thuế, phí và lệ phí	1.154.126.453	1.029.491.317
Dự phòng phải thu khó đòi	6.616.432.150	4.419.853.663
Chi phí bằng tiền khác	2.652.724.533	2.724.296.686
Cộng	<u>24.171.261.611</u>	<u>22.108.573.262</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.848.757	-
Thanh lý công cụ dụng cụ	350.000.000	-
Thu nhập khác	3.298.000	61.517.591
Cộng	<u>357.146.757</u>	<u>61.517.591</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	58.721.224
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	1.267.780.891
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm sát	296.100.000	126.900.000
Chi phí khác	21.074.834	138.771.886
Cộng	<u>317.174.834</u>	<u>1.592.174.001</u>

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.582.188.071	17.357.044.981
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.328.971.972)	(3.076.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>16.253.216.099</u>	<u>14.281.044.981</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.036.636	15.074.520
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.350</u>	<u>947</u>

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.151 VND xuống còn 947 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	312.787.902.838	347.553.544.815
Chi phí nhân công	55.971.155.560	62.993.592.986
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	14.065.039.586	14.126.078.823
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.191.720.103	28.702.969.393
Chi phí khác	11.439.071.883	9.882.521.402
Cộng	<u>423.454.889.970</u>	<u>463.258.707.419</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	296.100.000	126.900.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý	3.498.548.000	2.315.537.100
Cộng	3.794.648.000	2.442.437.100

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần CIC39	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Tâm	Bên liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Công ty còn phát sinh mua nguyên vật liệu với Công ty Cổ phần CIC 39 với số tiền là 1.510.606.208 VND (năm trước không phát sinh giao dịch).

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.13, V.14 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC – LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Số liệu so sánh

Công ty đã điều chỉnh trình bày lại số đầu năm một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính như sau:

- Quyền sử dụng đất mua được điều chỉnh từ chỉ tiêu Chi phí trả trước dài hạn (MS 261) qua trình bày chỉ tiêu Tài sản cố định vô hình (MS 227) với nguyên giá là 15.195.450.470 VND và Giá trị khấu hao lũy kế là 633.143.760 VND.
- Điều chỉnh giảm đồng thời chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn của khách hàng (MS 131) và Người mua trả tiền trước ngắn hạn (MS 312) do ghi nhận đồng thời phải thu phải thu của khách hàng và người mua trả tiền trước số tiền là 5.326.943.233 VND.

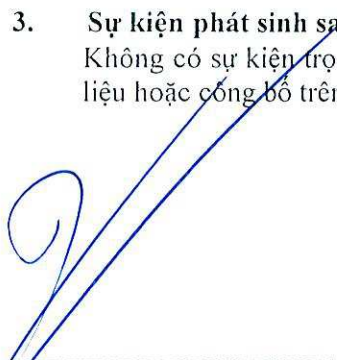
Ảnh hưởng của việc điều chỉnh đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	252.412.171.674	(5.326.943.233)	247.085.228.441
Tài sản cố định vô hình	227	19.424.862.638	14.562.306.710	33.987.169.348
Nguyên giá	228	19.510.095.612	15.195.450.470	34.705.546.082
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(85.232.974)	(633.143.760)	(718.376.734)
Chi phí trả trước dài hạn	261	17.780.366.392	(14.562.306.710)	3.218.059.682
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19.899.696.982	(5.326.943.233)	14.572.753.749

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

ngày 16 tháng 4 năm 2021


Nguyễn Văn Việt
Người lập/Kế toán trưởng


Phạm Ngọc Hiệp
Tổng Giám đốc


C.T. NH
AN
H. MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC - LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	75.794.659.710	145.028.967.089	9.119.546.554	791.834.293	193.228.039	230.928.235.685
Mua trong năm	76.608.058	26.085.714.419	-	-	83.181.818	26.245.504.295
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	4.108.470.685	-	-	-	4.108.470.685
Thanh lý, nhượng bán	-	(425.000.000)	-	-	(54.150.000)	(479.150.000)
Số cuối năm	75.871.267.768	174.798.152.193	9.119.546.554	791.834.293	222.259.857	260.803.060.665
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	416.852.564	50.998.787.352	6.763.748.374	48.013.000	139.078.039	58.366.479.329
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	28.978.457.910	83.310.056.813	7.517.864.194	405.506.439	191.423.039	120.403.308.395
Khấu hao trong năm	3.355.224.377	9.269.525.347	272.556.343	156.531.770	13.681.518	13.067.519.355
Thanh lý, nhượng bán	-	(312.485.121)	-	-	(54.150.000)	(366.635.121)
Số cuối năm	32.333.682.287	92.267.097.039	7.790.420.537	562.038.209	150.954.557	133.104.192.629
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	46.816.201.800	61.718.910.276	1.601.682.360	386.327.854	1.805.000	110.524.927.290
Số cuối năm	43.537.585.481	82.531.055.154	1.329.126.017	229.796.084	71.305.300	127.698.868.036
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Long An, ngày 16 tháng 4 năm 2021

Nguyễn Văn Việt
Người lập/Kế toán trưởngPhạm Ngọc Hiệp
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC - LONG AN

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

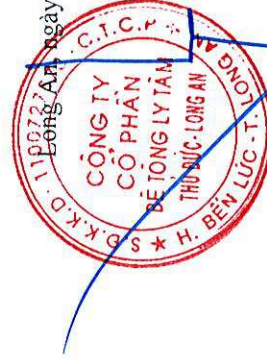
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.745.400.000	20.179.135.000	(200.000)	40.842.798.186	18.379.908.715	230.147.041.901
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	17.357.044.981	17.357.044.981
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	3.300.000.000	(6.090.000.000)	(2.790.000.000)
Số dư cuối năm trước	150.745.400.000	20.179.135.000	(200.000)	44.142.798.186	29.646.953.696	244.714.086.882
Số dư đầu năm nay	150.745.400.000	20.179.135.000	(200.000)	44.142.798.186	29.646.953.696	244.714.086.882
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	19.582.188.071	19.582.188.071
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	3.500.000.000	(6.576.000.000)	(3.076.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(12.036.636.000)	(12.036.636.000)
Hủy cổ phần đã phát hành	(30.378.840.000)	(19.229.135.000)	-	-	-	(49.607.975.000)
Phải trả lãi do hủy cổ phần	-	-	-	-	(7.306.623.279)	(7.306.623.279)
Số dư cuối năm nay	120.366.560.000	950.000.000	(200.000)	47.642.798.186	23.309.882.488	192.269.040.674

Đơn vị tính: VND

Nguyễn Văn Việt
Người lập/Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Hiệp
Tổng Giám đốc

